BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 207/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 148/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế;

Căn cứ Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về định mức hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu được miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 148/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thi hành Quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo

Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 tháng 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 148/2013/TT-BTC ngày 25/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thi hành Quy chế kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quy chế ban hành kèm Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg), Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg) và Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về kinh doanh bán hàng miễn thuế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg); không điều chỉnh hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế trong các khu kinh tế cửa khẩu."

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, thương nhân, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg và quy định tại Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg".

3. Khoản 1, Khoản 2, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 11, Khoản 14 Điều 3 được sửa đổi và bổ sung như sau:

"1. Thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế (gọi tắt là thương nhân) được kinh doanh bán hàng miễn thuế sau khi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 Quy chế ban hành kèm Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg, khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg và khoản 1 Điều 1 Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg và được Tổng cục Hải quan xác nhận đảm bảo đủ điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định tại chương III Thông tư này".

2. Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế phải được lưu giữ tại cửa hàng miễn thuế bao gồm cả kho chứa hàng miễn thuế trong thời gian quy định tại điểm a,

khoản 2 Điều 47 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014. Việc sắp xếp, bố trí lưu giữ các mặt hàng trong kho chứa hàng miễn thuế phải được phân chia theo khu vực từng loại hàng, để thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát hải quan.

5. Hàng miễn thuế khi vận chuyển từ kho chứa hàng miễn thuế đến cửa hàng miễn thuế, lên tàu bay xuất cảnh phải kèm phiếu xuất kho để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát hải quan.

6. Các chứng từ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ở cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế như tờ khai tạm nhập, tờ khai tái xuất, phiếu xuất kho, các bảng kê, báo cáo thanh khoản được lưu trữ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014. Đối với các chứng từ bị điều chỉnh bởi quy định của Luật kế toán, thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định điều chỉnh tương ứng.

11. Tổ chức cung cấp thông tin cho người mua hàng về tiêu chuẩn miễn thuế đối với hàng hóa mua để nhập cảnh; thực hiện khuyến nghị người mua hàng miễn thuế về việc mua hàng trong phạm vi tiêu chuẩn hành lý nhập cảnh; Thông báo cho bộ phận Hải quan quản lý cửa khẩu nhập thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu sân bay Quốc tế đối với những trường hợp khách mua hàng vượt tiêu chuẩn định lượng miễn thuế quy định tại Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ để cơ quan hải quan thực hiện thu thuế theo quy định.

14. Đối với bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua hàng là hành khách trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg

a) Căn cứ lịch trình các chuyến bay quốc tế, thương nhân thực hiện lập phiếu cấp hàng cho từng chuyến bay, phiếu cấp hàng cho từng chuyến bay phải thể hiện các thông tin: Tên hàng, đơn vị tính, số lượng, mã hàng hóa (nếu có);

b) Trước khi máy bay hạ cánh tiếp viên hàng không thực hiện tổng hợp các thông tin liên quan đến khách mua hàng: Họ tên người mua hàng, số hộ chiếu, tên hàng, đơn vị tính, số lượng, mã hàng hóa (nếu có) và thực hiện niêm phong của thương nhân bán hàng miễn thuế xe hàng còn tồn;

c) Ngay sau khi làm thủ tục nhập cảnh, thương nhân nhận bàn giao từ tiếp viên trưởng 02 bảng kê lượng tiền mặt, ngoại tệ thu được từ bán hàng miễn thuế trên máy bay theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này và lượng tiền mặt, ngoại tệ thu được từ việc bán hàng trên tàu bay nhập cảnh xuất trình cho cơ quan Hải quan để thực hiện kiểm tra, xác nhận".

3. Khoản 3, Khoản 4 và khoản 5 Điều 4 được sửa đổi bổ sung như sau:

"3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan quản lý kinh doanh hàng miễn thuế (sau đây gọi tắt là Hải quan):

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát hải quan đối với hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế trên phạm vi địa bàn phụ trách;

b) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh bán hàng miễn thuế theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại và quản lý theo chế độ tạm nhập, tái xuất;

c) Thực hiện thu thuế theo quy định đối với những trường hợp khách mua hàng vượt tiêu chuẩn định lượng miễn thuế theo quy định tại Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

d) Trên cơ sở đề nghị của thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế để gia hạn thời gian lưu giữ theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 47 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

đ) Theo dõi, đôn đốc thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế thanh khoản tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu.

Thực hiện thanh khoản tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa miễn thuế của thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế;

e) Chi cục trưởng Hải quan quyết định các biện pháp kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về hải quan và phù hợp với yêu cầu quản lý của hải quan;

g) Hải quan quản lý mặt hàng nhập khẩu, xuất khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế thông qua chương trình quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế của thương nhân được kết nối với cơ quan hải quan (hoặc thông qua hệ thống sổ sách) theo dõi của thương nhân trong trường hợp chương trình phần mềm quản lý ngừng hoạt động do hỏng, sửa chữa, bảo dưỡng;

h) Lập biên bản xác nhận việc hủy bỏ tem theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Thông tư này (biên bản gồm các nội dung: tên mặt hàng, số seri từng tem đã dán, tổng số tem gỡ bỏ, thời gian, địa điểm thực hiện), biên bản có đầy đủ chữ ký xác nhận của thương nhân và Hải quan;

i) Định kỳ theo quy định, tổ chức công tác kiểm tra thanh khoản tờ khai hải quan nhập khẩu, xuất khẩu; trong quá trình quản lý, theo dõi và thanh khoản tờ khai hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu nếu phát hiện thương nhân có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật đối với hoạt động kinh doanh bán hàng miễn thuế của thương nhân; hoặc đối với hàng tồn kho tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế; hoặc kiểm tra, đối chiếu danh sách khách hàng đã mua hàng miễn thuế và danh sách hành khách của các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam.

4. Đối với bán hàng miễn thuế cho đối tượng mua hàng là hành khách trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg:

a) Thực hiện việc giám sát hàng hóa xếp lên xe hàng và xác nhận vào phiếu giao nhận hàng hóa (theo mẫu số 01ban hành kèm Thông tư này) do thương nhân lập ghi rõ số niêm phong hải quan;

b) Thực hiện việc giám sát xe hàng được đưa đến cửa tàu bay;

c) Thực hiện giám sát hàng bán không hết thu hồi từ các chuyến bay quốc tế:

c.1) Hàng bán không hết trên các chuyến bay quốc tế phải được niêm phong của thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế trước khi đưa xe hàng ra khỏi máy bay;

c.2) Thực hiện giám sát xe hàng từ máy bay xuống để nhập kho;

c.3) Thực hiện kiểm tra, giám sát xe hàng vào kho, xác nhận trên phiếu nhập kho của thương nhân;

d) Kiểm tra, xác nhận 02 bảng kê lượng tiền mặt, ngoại tệ (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) do thương nhân xuất trình ngay sau khi thương nhân nhận bàn giao từ tiếp viên trưởng lưu 01 bản và chuyển thương nhân 01 bản.

5. Thực hiện dừng hoạt động kinh doanh cửa hàng miễn thuế đối với trường hợp không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ".

4. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Kê khai, nộp thuế với cơ quan hải quan đối với phần vượt quá định mức được miễn thuế quy định tại Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ".

5. Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi như sau:

"1. Ngay khi bán hàng, nhân viên bán hàng đề nghị người mua hàng xuất trình Hộ chiếu, Thẻ lên máy bay - Boarding Pass (người mua hàng là tiếp viên, thành viên tổ lái không phải xuất trình Thẻ lên máy bay) và có trách nhiệm nhập dữ liệu vào máy tính những thông tin:

a) Họ và tên người mua hàng đúng theo Hộ chiếu/giấy thông hành;

b) Số của hộ chiếu hoặc số của giấy thông hành;

c) Số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date) được ghi trên Thẻ lên tàu bay (Boarding pass) đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường hàng không; hoặc ngày khởi hành của phương tiện đối với người xuất cảnh, quá cảnh bằng đường bộ, đường sắt, cảng biển;

d) Tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng đã khai báo trên tờ khai nhập;

đ) Số lượng, trị giá.

Trường hợp người xuất cảnh mua hàng miễn thuế với tổng trị giá trên mức đồng tiền dùng trong giao dịch phải khai báo hải quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì người xuất cảnh khi mua hàng phải xuất trình với nhân viên bán hàng chứng từ chứng minh nguồn gốc đồng tiền dùng trong giao dịch theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và sao chụp 01 bản chứng từ chứng minh nguồn gốc đồng tiền dùng trong giao dịch để xuất trình trong hồ sơ thanh khoản quy định tại Chương VII Thông tư này."

6. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 9. Đối tượng là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg và Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg**

Khi bán hàng, nhân viên bán hàng thực hiện đầy đủ các công việc nêu tại khoản 1, 2 Điều 8 Thông tư này, đồng thời:

1. Đối với đối tượng là người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 44/2013/QĐ-TTg

Sao chụp hộ chiếu (trang có ảnh và trang đóng dấu nhập cảnh của công an cửa khẩu) hoặc Thẻ lên tàu bay (Boarding pass).

2. Đối với đối tượng là hành khách trên tàu bay đang thực hiện các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 39/2015/QĐ-TTg

Khi bán hàng, tiếp viên hàng không phải ghi đầy đủ thông tin: Tên khách hàng, số hộ chiếu, số hiệu chuyến bay (flight), thẻ lên tàu bay (boarding Pass), tên hàng, đơn vị tính phải ghi chính xác theo tên hàng đã khai báo trên tờ khai nhập, số lượng, trị giá trên hóa đơn bán hàng.

Chậm nhất 24 giờ, kể từ khi tàu bay đỗ tại vị trí chỉ định của Cảng vụ Hàng không sân bay quốc tế, thương nhân phải kê khai trên chương trình phần mềm quản lý kinh doanh bán hàng miễn thuế các nội dung gồm: Họ, tên người mua hàng, số hiệu chuyến bay (flight), ngày bay (date), tên hàng, số lượng, trị giá, tổng lượng, tổng trị giá.

3. Đối với khách mua hàng miễn thuế vượt quá định lượng tiêu chuẩn miễn thuế quy định tại Điều 3 Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, thương nhân thông báo với bộ phận hải quan tại cửa khẩu nhập để thực hiện thu thuế theo quy định. Khi thông báo, xuất trình 02 Phiếu thông báo (theo Mẫu số 03/PTBHVĐM - Phiếu thông báo bán hàng vượt định mức) và nhận lại 01 Phiếu thông báo được công chức hải quan tại cửa khẩu nhập ký tên, đóng dấu".

7. Điểm c, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"c. Ngoài hàng hóa quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, thuyền viên được mua các hàng hóa khác tại cửa hàng miễn thuế để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân".

3. Trường hợp cảng biển quốc tế không có cửa hàng miễn thuế thì cho phép cửa hàng miễn thuế thuộc địa bàn của tỉnh, thành phố nơi có cảng biển quốc tế hoặc địa bàn tỉnh, thành phố gần nhất có cửa hàng miễn thuế được phép bán cho đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2009/QĐ-TTg ngày 17/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ quan Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế có trách nhiệm giám sát hàng hóa từ cửa hàng miễn thuế đến khi hàng hóa chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cửa khẩu nơi tàu xuất cảnh.

Khi xuất hàng từ kho hàng/cửa hàng vận chuyển đến tàu biển có đơn đặt hàng, thương nhân phải lập Phiếu xuất kho/Phiếu xuất cửa hàng ghi rõ từng mặt hàng, số lượng, trị giá và nộp cho Hải quan cửa khẩu nơi tàu xuất cảnh. Thủ tục bán hàng thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này."

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày10/02/2016.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chỉ đạo Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố liên quan chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, theo dõi và thực hiện các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Thương nhân kinh doanh bán hàng miễn thuế và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung liên quan tại Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

TÊN THƯƠNG NHÂN.....
Số.....

Mẫu số 01

PHIẾU GIAO NHẬN HÀNG HÓA

(1) Số hiệu xe hàng:..... ngày giờ bay:..... địa chỉ bay:.....

(2) Giao hàng từ:.....

(3) Thời gian giao nhận:.....

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Mã hàng hóa (nếu có)	Ghi chú
(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ghi rõ số niêm phong, ký tên, đóng dấu công chức)

NGƯỜI BÀN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN BÀN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Tại mục (2) Ghi rõ hàng từ kho bàn giao lên xe hoặc hàng từ xe hàng bàn giao vào kho.
- Nếu thương nhân theo dõi hàng hóa theo mã riêng thì khai vào cột số (8), nếu không theo dõi thì cột này để trống.

TÊN THƯƠNG NHÂN.....
Số.....

Mẫu số 02

BẢNG KÊ LƯỢNG TIỀN MẶT, NGOẠI TỆ THU ĐƯỢC TỪ BÁN HÀNG MIỄN THUẾ TRÊN MÁY BAY

Số hiệu chuyến bay..... từ sân bay..... đến sân bay.....
Số hiệu xe hàng:..... ngày giờ bay:.....
Họ và tên người giao tiền:.....
Chức vụ:.....

Tiền Việt Nam			**Đồng USD**			**Đồng EUR**			**Đồng JPY**			**Đồng THB**		
Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng	Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng	Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng	Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng	Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng
Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng		
Đồng....			**Đồng....**			**Đồng....**			**Đồng....**			**Đồng....**		
Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng	Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng	Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng	Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng	Mệnh giá	Số lượng	Tổng cộng
Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng			Tổng cộng		

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ký tên, đóng dấu công chức)

NGƯỜI BÀN GIAO
(Tiếp viên hàng không)

NGƯỜI NHẬN BÀN GIAO
(Thương nhân)